

Bản án số: 141/2019/DS-PT

Ngày: 16 - 5 - 2019

V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Bạch - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 16 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2018/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Anh Nguyễn Út M, sinh năm 1973 (có mặt).

2. Anh Nguyễn Út N1, sinh năm 1975 (có mặt).

3. Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1961 (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị S2, sinh năm 1941 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện U, tỉnh C.

5. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1953 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện U, tỉnh C

Người đại diện theo ủy quyền của ông S1, anh Út M, anh Út N1, ông H1:
Ông Lê Minh Ch sinh năm 1965; địa chỉ: đường N, khóm 8, phường 5 Thành phố C, tỉnh C (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Út B1, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện U, tỉnh C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1944 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp 6, xã H, huyện U, tỉnh C.
2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1954 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp 1, xã H1, huyện U, tỉnh C.
3. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1965 (có mặt).
4. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1972 (có mặt).
5. Chị Lê Thị H2, sinh năm 1979 (có mặt).
6. Bà Nguyễn Thu V, sinh năm 1965 (vắng mặt).
7. Ông Phạm Thanh T3, sinh 1962 (vắng mặt).
8. Chị Bùi Thị Út, sinh 1971 (vắng mặt).
9. Anh Lê Hoàng L1, sinh 1984 (vắng mặt).
10. Chị Châu Mỹ P, sinh 1987 (vắng mặt).
11. Anh Nguyễn Lâm Nghĩa B2, sinh 1977 (vắng mặt).
12. Chị Từ Kim L2, sinh 1987 (vắng mặt).
13. Ông Đoàn Tấn S3, sinh 1967 (vắng mặt).
14. Bà Lưu Thị Q (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện U, tỉnh C.

15. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện U Minh (gọi tắt là Ngân hàng)

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Nguyễn Chí Dũng – Giám đốc Chi nhánh ngân hàng huyện U Minh là người đại diện theo ủy quyền theo quyết định ủy quyền số 510/QĐ –HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Út M, anh Nguyễn Út N1, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn H1 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trình bày của nguyên đơn:* Cụ Trần Thị Nhen và cụ Nguyễn Thành Long là vợ chồng, hai cụ có chung 11 người con gồm: anh Nguyễn Út M, anh Nguyễn Út N1, ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị S2, anh Nguyễn Út B1, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thu V, anh Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị N2. Năm 1994 cụ Long chết, năm 2009 cụ Nhen chết, di sản hai cụ để lại chỉ có 36.340m² đất tại Ấp 4, xã Khánh Lâm, huyện U Minh do cụ Nhen đứng tên quyền sử dụng. Cụ Long chết không lập di chúc, cụ Nhen chết có lập di chúc ngày 22/3/2006, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản hai cụ theo pháp luật, đối với anh Út M, anh Út N1 yêu cầu chia cho các anh nhận kỷ phần ngay phần đất các anh đang quản lý.

- *Trình bày của bị đơn:* Tài sản cụ Nhen và cụ Long có 30 công đất trong đó gồm 15 công đất ruộng và 15 công đất vườn cây tạp - thổ cư. Năm 1999 cụ Nhen được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng với diện tích 36.340m². Cụ Long còn sống không cho đất các con, đến cuối năm 2006 họp gia đình cụ Nhen cùng tất cả các con thống nhất chia đất, cụ thể:

Phần đất ruộng: Bà Nguyễn Thu V 02 công, anh Nguyễn Văn T2 04 công, anh Nguyễn Út B1 08 công, cụ Nhen 01 công; sau khi qua đời 01 công đất cụ Nhen giao lại cho anh Út Bé.

Phần đất vườn:

Từ lộ xe U Minh – Khánh Hội trở vào đất ruộng chia:

+ Anh Nguyễn Văn T2 ngang 07m dài 30m, vị trí: giáp với đất Tư Xuân Tính.

+ Bà Nguyễn Thu V ngang 07m dài 30m, vị trí: giáp với đất anh Nguyễn Văn T2.

+ Phần đất vườn còn lại chia cho anh Nguyễn Út B1.

Từ lộ xe U Minh – Khánh Hội trở ra sông Biện Nhị (sông Khánh Hội) chia:

+ Anh Nguyễn Út M ngang 30m dài 90m, vị trí: giáp với đất của Út Thanh.

+ Ông Nguyễn Văn C ngang 07m dài 45m, vị trí: giáp với đất Nguyễn Út M.

+ Anh Nguyễn Út N1 ngang 07m dài 45m, vị trí: giáp với đất Nguyễn Văn C.

+ Bà Nguyễn Thị S2 ngang 07m dài 45m, vị trí: giáp với đất Nguyễn Út N1.

Phần từ sông Biện Nhị trở vào hướng lộ xe U Minh – Khánh Hội:

+ Ông Nguyễn Văn H1 ngang 07m dài 45m, vị trí: giáp với đất Nguyễn Út M.

+ Ông Nguyễn Văn S1 ngang 07m dài 45m, vị trí: giáp với đất Nguyễn Văn H1.

+ Ông Nguyễn Văn T1 ngang 07m dài 45m vị trí: giáp với đất Nguyễn Văn S1.

+ Phần còn lại của anh Nguyễn Út B1, anh Út Bé có trách nhiệm thờ cúng và nuôi dưỡng cụ Nhen.

Việc chia đất bị đơn là người trực tiếp ghi vào giấy, đến tháng 3/2009 cụ Nhen cùng bị đơn và Nguyễn Thị N2 đến nhờ ông Dư Việt Bắc đánh máy lại nội dung Tờ chia đất. Lập xong ông Bắc đọc cụ Nhen nghe, đồng ý ký tên và đem di chúc cho Trưởng ấp xác nhận, sau đó đem di chúc đến Ủy ban xã Khánh Lâm chứng thực và lưu giữ. Do khi chia đất bà N2 nói không nhận nên không ghi tên trong di chúc. Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, vì đất đã được cụ Nhen phân chia xong từ năm 2006 và đã có di chúc cụ Nhen lập 2009 phân định rõ ràng.

- *Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thu V, bà Nguyễn Thị N2, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn T2, ông Phạm Thanh T3 (chồng bà V), chị Bùi Thị Út (vợ anh T2) đồng ý với ý kiến của bị đơn, các đương sự không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Chị Lê Thị H2 trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Út B1 vào tháng 12/2005 âm lịch, cưới nhau về anh chị sống chung trên ngôi nhà hiện nay đang ở cùng chăm sóc nuôi dưỡng cụ Nhen. Quá trình chung sống vợ chồng đã chi nhiều

tiền để bồi đắp phần đất. Vợ chồng đã bán vàng để trả tiền thuê mướn, bồi đắp nhiều lần tổng số vàng bán là 70 chỉ vàng 24K. Nếu phần bồi đắp người khác hưởng thì phải trả lại tiền công bồi đắp cho vợ chồng chị.

Anh Lê Hoàng L1, chị Châu Mỹ P trình bày: Tháng 8/2017, vợ chồng anh thuê của vợ chồng anh Nguyễn Út B1 phần đất ngang 4,5m dài 12m cất nhà làm Tiệm uốn tóc, thời hạn thuê 15 năm. Hiện nay anh chị không có yêu cầu gì mà chờ kết quả giải quyết của Tòa án. Nếu phần đất anh chị đang ở giao cho chủ mới thì anh chị sẽ ký hợp đồng với chủ mới, nếu chủ mới không ký hợp đồng thì anh chị sẽ di dời thực hiện theo bản án. Mọi thiệt hại anh chị sẽ thỏa thuận với vợ chồng anh B1, nếu không thỏa thuận được anh chị sẽ khởi kiện ở một vụ án khác.

Anh Nguyễn Lâm Nghĩa B2, chị Từ Kim L2 trình bày: Tháng 02/2016, vợ chồng anh thuê của vợ chồng anh Nguyễn Út B1 phần đất ngang 10m dài 30m cất nhà làm Cơ sở kinh doanh bán thức ăn gia súc, gia cầm, thời hạn thuê 15 năm. Hiện nay anh chị không có yêu cầu gì mà chờ kết quả giải quyết của Tòa án. Nếu phần đất anh chị đang ở giao cho chủ mới thì anh chị sẽ ký hợp đồng với chủ mới, nếu chủ mới không ký hợp đồng thì anh chị sẽ di dời thực hiện theo bản án. Mọi thiệt hại anh chị sẽ thỏa thuận với vợ chồng anh B1; nếu không thỏa thuận được anh chị sẽ khởi kiện ở một vụ án khác.

Ông Đoàn Tấn S3, bà Lưu Thị Q trình bày: Tháng 01/2016 vợ chồng ông bà có thuê của anh Nguyễn Út M phần đất ngang 07m dài 20m trên phần đất ông M quản lý để cất nhà ở. Vợ chồng ông không yêu cầu gì trong vụ án này. Nếu ông bà phải di dời nhà đi thực hiện theo bản án thì ông bà sẽ thanh lý hợp đồng thuê với ông M, nếu không thỏa thuận được với ông M thì ông bà khởi kiện ông M ở một vụ án khác.

Đại diện Ngân hàng trình bày: Ngày 19/4/2017 anh Nguyễn Út B1 vay tại Ngân hàng số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 9,97%/năm và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 36.340m² do cụ Trần Thị Nhen đứng tên. Tính đến ngày 17/9/2018 còn nợ vốn 25.000.000 đồng, lãi 1.054.795 đồng; Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất do cụ Nhen đứng tên, nếu có liên quan đến vụ án tranh chấp thì đề nghị Tòa án xem xét buộc anh Út Bé và những người có liên quan trả đủ nợ cho Ngân hàng.

Tại bản án sơ thẩm số: 56/2018/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Út M, anh Nguyễn Út N1, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn H1 về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản cụ Nguyễn Thành Long và cụ Trần Thị Nhen là 36.340m² đất tại Ấp 4, xã L, huyện U, tỉnh C do cụ Trần Thị Nhen đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Di sản cụ Nguyễn Thành Long đã được các đồng thừa kế thống nhất phân chia năm 2006 và di sản cụ Trần Thị Nhen đã được cụ Nhen tặng cho năm 2006 đồng thời được cụ Nhen lập di chúc ngày 20/3/2009 phân định các nguyên đơn hưởng di sản cụ thể như sau:

+Anh Nguyễn Út M phân đất ngang 30m, dài từ lộ xe U Minh – Khánh Hội đến sông Khánh Hội (sông Biện Nhi); Phần đất này anh Nguyễn Út M đang quản lý.

+Anh Nguyễn Út N1 phân đất ngang 07m, dài 58m; Phần đất này Nguyễn Út B1 có nghĩa vụ giao cho anh Nguyễn Út N1 (đất cặp ranh với đất ông Nguyễn Văn C được chia).

+Ông Nguyễn Văn H1 phân đất ngang 07m, dài 58m; Phần đất này anh Nguyễn Út B1 có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Văn H1 (đất cặp ranh với đất anh Nguyễn Út M được chia).

+ Ông Nguyễn Văn S1 phân đất ngang 07m, dài 58m; Phần đất này anh Nguyễn Út B1 có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Văn S1 (đất cặp ranh với đất ông Nguyễn Văn H1 được chia).

(Sơ đồ vị trí cụ thể từng phần đất các nguyên đơn hưởng có bản vẽ kèm theo - BL: 205/TA; Phần đất các nguyên đơn được chia thuộc đất trồng cây lâu năm (LNK) tại thửa 227 tờ bản đồ số 07).

- Anh Nguyễn Út M, anh Nguyễn Út N1, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn H1 có quyền, nghĩa vụ thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đối với phần đất mỗi người được hưởng cho mình đứng tên theo quy định pháp luật về đất đai.

- Kỵ phần còn lại đối với các thừa kế anh Nguyễn Út B1, bà Nguyễn Thị S2, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thu V, anh Nguyễn Văn T2 không giải quyết phân chia trong vụ án này.

- Diện tích đất 36.340m² tại Ấp 4, xã L, huyện U, tỉnh C do cụ Trần Thị Nhen đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 612147 Ủy ban nhân dân huyện U Minh cấp năm 1999 không thuộc tài sản thế chấp của Hợp đồng tín dụng số 7503LAV2016 ngày 14/4/2016.

- Yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện U Minh về việc buộc anh Nguyễn Út B1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn 25.000.000 đồng, tiền lãi 1.054.795 đồng (tính đến ngày 17/9/2018) theo Hợp đồng tín dụng số 7503LAV2016 ngày 14/4/2016 không giải quyết trong vụ án này.

- Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S2.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Ngày 07/12/2018, anh Nguyễn Út M, anh Nguyễn Út N1, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Út M, anh Út N1, ông S1, ông H1 thay đổi nội dung kháng cáo. Yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận việc phân chia di sản theo di chúc lập ngày 22/3/2006.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Út M, anh Út N1, ông S1, ông H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Út M, Anh Nguyễn Út N1, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn H1 không đồng ý với án sơ thẩm công nhận di chúc của cụ Trần Thị Nhen lập ngày 20/3/2009, cũng như không đồng ý chia di sản cho ông M, ông N1, ông H1, ông S1 theo di chúc lập ngày 20/3/2009 vì các nguyên đơn cho rằng phần di sản thừa kế 36.340m² đất cụ Nhen chỉ có quyền định đoạt ½ di sản, còn ½ di sản là của cụ Long chết không để lại di chúc nên chia theo pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện các nguyên đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chia di sản theo di chúc cụ Nhen lập ngày 22/3/2006.

[2] Hội đồng xét xử thấy rằng: Các đương sự thừa nhận lúc sinh thời cụ Trần Thị Nhen và cụ Nguyễn Thành Long có tạo lập phần đất có diện tích 36.340m² tại Ấp 4, xã L, huyện U, tỉnh C. Cụ Long và cụ Nhen có 11 người con chung gồm: Anh Nguyễn Út M, Anh Nguyễn Út N1, ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị S2, anh Nguyễn Út B1, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thu V, anh Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị N2. Năm 1994 cụ Long chết không để lại di chúc, năm 2006 các đồng thừa kế hợp tiến hành phân chia diện tích đất 36.340m² là cả di sản cụ Long và tài sản của cụ Nhen. Thực tế sau khi phân chia và quản lý sử dụng đất, các nguyên đơn đều xác định việc chia đất diễn ra đúng như di chúc cụ Nhen lập ngày 22/3/2006, ngược lại bị đơn và các đồng thừa kế khác thì cho rằng việc chia đất được tất cả các con cụ Nhen thống nhất đúng như di chúc ngày 20/3/2009.

Xét thấy, năm 1994 cụ Long chết không để lại di chúc thì phần di sản của cụ Long là 18.170m² được thừa kế theo pháp luật. Đến thời điểm năm 2005 thì các đồng thừa kế thống nhất và không ai có yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Long để lại, nên di sản của cụ Long chuyển thành tài sản chung của các đồng thừa kế gồm cụ Nhen và 11 người con. Năm 2006 cụ Nhen và 11 người con tiến hành hợp phân chia diện tích đất 36.340m² gồm cả di sản cụ Long và tài sản của cụ Nhen là thực tế có xảy ra.

Đối với di chúc lập ngày 20/3/2009, anh Út Bé cho rằng khi phân chia đất anh Út Bé là người ghi chép lại nội dung phân chia, đến tháng 3/2009 cụ Nhen nhờ anh Dư Việt Bắc khi đó là Tư pháp xã Khánh Lâm đánh máy lại đúng theo tờ chia đất do anh Út Bé đã viết theo ý chỉ của cụ Nhen, bản di chúc đánh máy được Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm chứng thực và lưu giữ đến khi cụ Nhen chết. Lời trình

bày của anh Út Bé và những đồng thừa kế khác như bà N2, ông T1, ông C, anh T2, bà V, phù hợp với lời xác nhận của anh Dư Việt Bắc, bà Nguyễn Thu Tư là Trưởng ấp ký xác nhận di chúc, ông Lê Minh Luân là Bí thư Chi bộ ấp chứng kiến việc họp gia đình chia đất, phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm, phù hợp với Tờ di chúc cụ Nhen lập tháng 3/2009 được Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm chứng thực ngày 30/4/2009 và lưu giữ.

Trên thực tế anh Út M, ông S1 đã nhận đất và quản lý sử dụng đất, trong quá trình sử dụng đất anh Út M đã có chuyển nhượng cho vợ chồng anh Út Bé đến ½ phần diện tích đất được phân chia. Đối với anh Út N1, năm 2010 được Nhà nước hỗ trợ nhà theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, anh Út N1 đã hỏi anh Út Bé mượn phần đất để cất nhà ở hiện nay. Đối với anh T2, bà V đã cất nhà ở trên phần đất được chia từ năm 2006. Mặc khác từ năm 2006 đến nay vợ chồng anh Út Bé đã nhiều lần tôn tạo, chỉnh trang, bồi đắp trên toàn bộ phần đất vườn, cũng như xây cất thêm nhiều nhà để kinh doanh nước giải khát, dịch vụ giải trí và có cho nhiều người thuê mượn làm cơ sở kinh doanh mua bán nhưng không ai có ý kiến phản đối hay có tranh chấp gì.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng di chúc ngày 20/3/2009 là không hợp pháp, bởi ngày lập di chúc đề ngày 20/3/2009 nhưng Trưởng ấp xác nhận ghi ngày 17/3/2009, vào thời điểm này cụ Nhen đang bị bệnh phải nằm điều trị bệnh, mặc khác cụ Nhen tuổi đã cao tinh thần không đảm bảo minh mẫn. Xét lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thấy rằng: Về hình thức di chúc lập ngày 20/3/2009 của cụ Nhen đã tuân thủ đúng quy định, di chúc đã được Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm chứng thực và lưu giữ đúng quy định. Về nội dung di chúc thể hiện di sản được phân chia cụ thể rõ ràng, không trái pháp luật, đúng với thực tế phần đất các đồng thừa kế quản lý sử dụng, đúng ý chí nguyện vọng của cụ Nhen. Tuy ngày xác nhận của Trưởng ấp thể hiện là không phù hợp với ngày lập di chúc, nhưng di chúc đã được Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm xác nhận ngày 30/4/2009 được cụ Nhen lập là có thực, di chúc thể hiện ngày ký xác nhận không đúng nhưng xét thấy đây là lỗi của cơ quan Nhà nước. Việc đại diện nguyên đơn cho rằng thời điểm lập di chúc cụ Nhen đang điều trị bệnh, tinh thần không còn minh mẫn nhưng đại diện nguyên đơn không đưa ra được căn cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của đại diện nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn cho rằng di chúc cụ Nhen lập ngày 22/3/2006 là hợp pháp nên yêu cầu phân chia di sản theo di chúc ngày 22/3/2006. Xét yêu cầu của người đại diện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Đại diện nguyên đơn cho rằng di chúc của cụ Nhen lập ngày 22/3/2006 là hợp pháp thì theo quy định cụ Nhen cũng có quyền thay đổi di chúc, và trên thực tế cụ Nhen có lập di chúc ngày 20/3/2009. Như đã phân tích trên, do di chúc lập ngày 20/3/2009 là hợp pháp nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của đại diện nguyên đơn về việc phân chia di sản theo di chúc cụ Nhen lập ngày 22/3/2006.

[3] Từ những căn cứ trên, án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Út M, anh Nguyễn Út N1, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn H1 về việc yêu cầu chia thừa kế đối với di sản cụ Long và cụ Nhen là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Út M, anh Út N1, ông S1, ông H1 về việc yêu cầu phân chia di sản theo di chúc cụ Nhen lập ngày 22/3/2006, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[4] Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Út M, anh Nguyễn Út N1, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn H1 nên án phí dân sự phúc thẩm Nguyễn Út M, Nguyễn Út N1, Nguyễn Văn S1 phải chịu theo quy định, ông Nguyễn Văn H1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không xem xét, đã phát sinh hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Út M, anh Nguyễn Út N1, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn H1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 56/2018/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Út M, anh Nguyễn Út N1, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn H1 về việc phân chia di sản theo di chúc lập ngày 22/3/2006 của cụ Trần Thị Nhen phần đất diện tích 36.340m² tại Ấp 4, xã L, huyện U, tỉnh C do cụ Nhen đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Di sản cụ Nguyễn Thành Long đã được các đồng thừa kế thống nhất phân chia năm 2006 và di sản cụ Trần Thị Nhen đã được cụ Nhen tặng cho năm 2006 đồng thời được cụ Nhen lập di chúc ngày 20/3/2009 phân định các nguyên đơn hưởng di sản cụ thể như sau:

+ Anh Nguyễn Út M phần đất ngang 30m, dài từ lộ xe U Minh – Khánh Hội đến sông Khánh Hội (sông Biện Nhị); Phần đất này anh Nguyễn Út M đang quản lý.

+ Anh Nguyễn Út N1 phần đất ngang 07m, dài 58m; Phần đất này anh Nguyễn Út B1 có nghĩa vụ giao cho anh Nguyễn Út N1 (đất cặp ranh với đất ông Nguyễn Văn C được chia).

+ Ông Nguyễn Văn H1 phần đất ngang 07m, dài 58m; Phần đất này anh Nguyễn Út B1 có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Văn H1 (đất cặp ranh với đất ông Nguyễn Út M được chia).

+ Ông Nguyễn Văn S1 phần đất ngang 07m, dài 58m; Phần đất này anh Nguyễn Út B1 có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Văn S1 (đất cặp ranh với đất ông Nguyễn Văn H1 được chia).

(Sơ đồ vị trí có bản vẽ kèm theo)

- Anh Nguyễn Út M, anh Nguyễn Út N1, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn H1 có quyền, nghĩa vụ thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất mỗi người được hưởng cho mình đứng tên theo quy định pháp luật về đất đai.

- Kỷ phần còn lại đối với các thừa kế anh Nguyễn Út B1, bà Nguyễn Thị S2, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thu V, anh Nguyễn Văn T2 không giải quyết phân chia trong vụ án này.

- Diện tích đất 36.340m² tại Ấp 4, xã L, huyện U, tỉnh C do cụ Trần Thị Nhen đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 612147 được Ủy ban nhân dân huyện U Minh cấp năm 1999 không thuộc tài sản thế chấp của Hợp đồng tín dụng số 7503LAV2016 ngày 14/4/2016.

- Yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam về việc buộc anh Nguyễn Út B1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn 25.000.000 đồng, tiền lãi 1.054.795 đồng (tính đến ngày 17/9/2018) theo Hợp đồng tín dụng số 7503LAV2016 ngày 14/4/2016 không giải quyết trong vụ án này.

- Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S2.

- Án phí dân sự, chi phí tố tụng:

+ Anh Nguyễn Út M phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 15.718.000 đồng. Ngày 02 tháng 8 năm 2017 đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí 1.800.000 đồng theo biên lai số 0011511 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được trừ, anh M còn phải nộp 13.918.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Út N1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 1.833.000 đồng. Ngày 02 tháng 8 năm 2017 anh Út N1 đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí 1.800.000 đồng theo biên lai số 0011514 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ, anh Út N1 còn phải nộp 33.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Văn S1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 1.833.000 đồng. Ngày 02 tháng 8 năm 2017 ông S1 đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí 1.800.000 đồng theo biên lai số 0011513 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ, ông S1 còn phải nộp 33.000 đồng.

+ Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Nguyễn Văn H1. Ngày 09 tháng 10 năm 2018 ông H1 đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí số tiền 1.800.000 đồng theo biên lai số 0012246 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại.

+ Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị S2 1.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã dự nộp theo biên lai số 0011512 ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh.

+ Anh Nguyễn Út M, anh Nguyễn Út N1, ông Nguyễn Văn S1 phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá; anh Út M đã chi trả xong.

Án phí dân sự phúc thẩm anh Nguyễn Út M, anh Nguyễn Út N1, ông Nguyễn Văn S1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 10/12/2018 anh M, anh N1, ông S1 đã dự nộp theo các biên lai thu số 0004081; 0004078; 0004079; tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện U Minh được chuyển thu. Ông Nguyễn Văn H1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm, ông H1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004080 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện U Minh được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân H. U Minh;
- Chi cục THADS H. U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Trung